

Bản án số: 312/2018/LĐ-ST
Ngày: 10-10-2018
V/v tranh chấp về trường hợp bị đơn
phương chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Hoàng Hạnh

Bà Trịnh Thị Phương Châm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 558/2016/TLST-LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2016 về việc “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4298/2018/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4762/2018/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1979, địa chỉ: Đường D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 9 năm 2016)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1971, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V

Địa chỉ trụ sở: Đường H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh Thị C, sinh năm 1975, địa chỉ: Đường L, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 310-1/UQ-VM ngày 28 tháng 8 năm 2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2016 và Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn là bà Lê Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương Minh T đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V có ký Hợp đồng lao động số 140503/HĐ-VM(NS) ngày 09 tháng 5 năm 2014, nội dung: Loại hợp đồng lao động: Thử việc, tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2014 đến ngày 06 tháng 6 năm 2014; Mức lương: 5.100.000 đồng/tháng; Trả lương khoán.

Theo quy định của Bộ luật Lao động thì tiền lương thử việc bằng 85% tiền lương theo hợp đồng lao động. Do đó, tiền lương của nguyên đơn là 6.000.000 đồng/tháng.

Sau khi kết thúc thời gian thử việc, mặc dù được đề xuất ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm nhưng bị đơn vẫn không giao hợp đồng lao động cho nguyên đơn. Tin tưởng bị đơn là doanh nghiệp lớn nên nguyên đơn vẫn tiếp tục làm việc. Sau khi kết thúc thời gian thử việc thì nguyên đơn đương nhiên có hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm. Đến ngày 13 tháng 01 năm 2015, nguyên đơn nghỉ thai sản. Ngày 19 tháng 3 năm 2015, nguyên đơn gửi hồ sơ cho bị đơn để làm hồ sơ hưởng chế độ thai sản ở cơ quan bảo hiểm xã hội nhưng bị đơn không giải quyết. Bị đơn đã tuyển người khác vào làm thay thế vị trí của nguyên đơn và cho nguyên đơn nghỉ việc mà không có thông báo chấm dứt hợp đồng lao động bằng văn bản.

Khi bị đơn cho nguyên đơn nghỉ việc, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền lương đến tháng 01 năm 2015, tiền thưởng Tết dương lịch năm 2015, tiền thưởng tháng 13 năm 2014, tiền thưởng 06 tháng cuối năm 2014.

Nhận thấy bị đơn không thanh toán các chế độ thai sản cho nguyên đơn và cho nguyên đơn ngừng việc không có lý do chính đáng là trái quy định pháp luật nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn:

- Trả 20.585.000 đồng tiền chế độ thai sản.

- Trả tiền lương trong những ngày nguyên đơn nghỉ theo quy chế lương của bị đơn ban hành là lao động nữ nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì được bị đơn trả mức lương tương đương với mức lương đóng BHXH từ ngày 13 tháng 01 năm 2015 đến ngày 13 tháng 7 năm 2015 là $3.047.500 \text{ đồng/tháng} \times 06 \text{ tháng} = 18.285.000 \text{ đồng}$.

- Trả tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng tạm tính đến thời điểm khởi kiện là $20.585.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 3.705.000 \text{ đồng}$ và $18.285.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 2.468.000 \text{ đồng}$.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do cho thôi việc trái pháp luật là 12.000.000 đồng.

- Chốt và trả sổ BHXH cho nguyên đơn.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn có Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 1.000.000 đồng tiền thưởng Tết âm lịch năm 2015; Tiền

lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2015 đến khi tranh chấp của các bên được giải quyết xong toàn bộ; Bồi thường 9.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn rút đơn yêu cầu bổ sung khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, bị đơn đã trả 20.585.000 đồng tiền chế độ thai sản cho nguyên đơn nên nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 20.585.000 đồng tiền chế độ thai sản và tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng của số tiền thai sản này.

Bà Đinh Thị C là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý trả sổ BHXH cho nguyên đơn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Việc chốt và trả sổ BHXH, bị đơn chỉ có thể thực hiện được khi nguyên đơn lên công ty bàn giao công việc và giải quyết các tồn đọng khi làm việc.

Bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện còn lại vì:

- Cơ sở để tính lương nghỉ việc, các khoản trợ cấp là tiền lương trong hợp đồng lao động và tiền lương đóng bảo hiểm nên việc nguyên đơn áp dụng tiền lương 6.000.000 đồng/tháng là không có cơ sở.

- Bị đơn không cho nguyên đơn nghỉ việc trái pháp luật. Nguyên đơn bắt đầu nghỉ thai sản từ ngày 17 tháng 01 năm 2015, kể từ đó nguyên đơn không vào công ty làm việc. Vì có khá nhiều vấn đề, sai sót liên quan đến nguyên đơn cần phải vào công ty giải quyết, trong đó phải kể đến các hồ sơ, giấy tờ của công ty mà nguyên đơn đang xử lý trước khi nghỉ thai sản nên bị đơn nhiều lần gọi điện thoại và gửi email mời nguyên đơn vào làm việc nhưng nguyên đơn nhất định không vào.

Khi nguyên đơn nghỉ việc, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền lương đến tháng 01 năm 2015, tiền thưởng Tết dương lịch năm 2015, tiền thưởng tháng 13 năm 2014, tiền thưởng 06 tháng cuối năm 2014.

Tại phiên tòa,

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ khoản 4 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì thời điểm thụ lý là thời điểm nguyên đơn nộp đơn. Ngoài ra, việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện được thực hiện xuyên suốt quá trình tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn cho rằng chỉ ký hợp đồng mùa vụ. Tuy nhiên, ý chí của các bên tại phiên tòa thể hiện có hợp đồng lao động cũng như dựa trên các tài liệu, tình tiết chứng cứ như việc trả lương, việc thực hiện hợp đồng lao động... Việc không ký hợp đồng là lỗi của bị đơn. Quan hệ giữa bị đơn và ông T không liên quan gì đến nội dung vụ kiện.

Theo Văn bản số 1375/BHXH-CST ngày 10 tháng 7 năm 2018 thì tháng 01 năm 2015, nguyên đơn vẫn làm việc nhưng bị đơn không trích nộp bảo hiểm, bị đơn chỉ đóng bảo hiểm đến tháng 12 năm 2014. Bị đơn đã không thực hiện các

chính sách cho người lao động, thể hiện qua các email trao đổi giữa hai bên. Bị đơn ngừng trích nộp bảo hiểm, không chi trả chế độ chính sách thể hiện nhận thức của bị đơn cho rằng không có người lao động này. Có đủ căn cứ cho rằng bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động nữ đang trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 155, Điều 42 của Bộ luật Lao động; khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, khoản 4 Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn:

- + Chốt và trả sổ BHXH cho nguyên đơn.

- + Bồi thường 02 tháng tiền lương do cho thôi việc trái pháp luật là 6.000.000 đồng/tháng x 02 tháng = 12.000.000 đồng.

- + Trả tiền lương trong những ngày nguyên đơn nghỉ theo quy chế lương của bị đơn ban hành là lao động nữ nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì được bị đơn trả mức lương tương đương với mức lương đóng BHXH từ ngày 13 tháng 01 năm 2015 đến ngày 13 tháng 7 năm 2015 là 18.285.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước hiện hành tính đến thời điểm xét xử là 18.285.000 đồng x 1,5%/tháng x 45 tháng = 12.342.000 đồng.

Nguyên đơn hủy bỏ việc rút yêu cầu khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2018 và ngày 15 tháng 5 năm 2018, yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết các yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn:

- + Trả tiền lãi của số tiền thai sản theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước hiện hành tính đến thời điểm xét xử là 20.585.000 đồng x 1,5%/tháng x 45 tháng = 13.895.000 đồng.

- + Thanh toán 1.000.000 đồng tiền thưởng Tết âm lịch năm 2015.

- + Trả tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2015 cho đến ngày xét xử là 6.000.000 đồng/tháng x 45 tháng = 270.000.000 đồng.

- + Bồi thường 9.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước.

Tổng cộng là 306.237.000 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày và không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn thì bị đơn đề nghị cho bị đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ đối với khoản tiền thưởng Tết âm lịch 1.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên, cần chấp nhận đối với yêu cầu chốt và trả sổ BHXH vì thực tế nguyên đơn có làm việc tại công ty và đình chỉ các yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn bổ sung tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về trường hợp bị đơn phung châm dứt hợp đồng lao động với bị đơn là Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V, địa chỉ trụ sở: Đường H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ngày 25 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn có Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 1.000.000 đồng tiền thưởng Tết âm lịch năm 2015; Tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2015 đến khi tranh chấp của các bên được giải quyết xong toàn bộ; Bồi thường 9.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước. Tuy nhiên, ngày 30 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn có đơn rút toàn bộ yêu cầu trong đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018 nên Tòa án nhân dân Quận 1 không thụ lý các yêu cầu theo Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018 của nguyên đơn. Ngoài ra, ngày 15 tháng 6 năm 2018, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán 20.585.000 đồng tiền trợ cấp thai sản và tiền lãi của số tiền này. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn hủy bỏ việc rút yêu cầu khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2018 và ngày 15 tháng 6 năm 2018. Đây không phải là việc hủy bỏ đơn rút yêu cầu khởi kiện mà là thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2015 đến khi tranh chấp của các bên được giải quyết xong toàn bộ; Bồi thường 9.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước và tiền lãi của số tiền trợ cấp thai sản không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi, bổ sung của nguyên đơn. Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán 1.000.000 đồng tiền thưởng Tết âm lịch năm 2015 vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 1.000.000 đồng tiền thưởng Tết âm lịch năm 2015 cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2015 đến khi tranh chấp của các bên được giải quyết xong toàn bộ, bồi thường 02 tháng tiền lương do cho thôi việc trái pháp luật là 12.000.000 đồng, bồi thường 9.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước:

[4] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 09 tháng 5 năm 2014, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng lao động số 140503/HĐ-VM(NS); Loại hợp đồng lao động: Thử việc, tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2014 đến ngày 06 tháng 6 năm 2014; Mức lương: 5.100.000 đồng/tháng; Trả lương khoán.

[5] Như vậy, hợp đồng thử việc đã kết thúc vào ngày 06 tháng 6 năm 2014. Sau ngày 06 tháng 6 năm 2014, bị đơn không thông báo kết quả thử việc cho nguyên đơn và nguyên đơn tiếp tục làm việc tại công ty, bị đơn vẫn trả lương. Căn cứ quy định tại Điều 29 của Bộ luật Lao động năm 2012 thì từ ngày 07 tháng 6 năm

2014 giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng lao động mặc dù bị đơn chưa ký hợp đồng lao động với nguyên đơn.

[6] Theo nguyên đơn, sau khi kết thúc thời gian thử việc, mặc dù được đề xuất ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm nhưng bị đơn vẫn không giao hợp đồng lao động cho nguyên đơn; Sau khi kết thúc thời gian thử việc thì nguyên đơn đương nhiên có hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm. Bị đơn cho rằng nguyên đơn bắt đầu nghỉ thai sản từ ngày 17 tháng 01 năm 2015, kể từ đó nguyên đơn không vào công ty làm việc, bị đơn nhiều lần gọi điện thoại và gửi email mời nguyên đơn vào làm việc nhưng nguyên đơn nhất định không vào. Tại Tòa, nguyên đơn xuất trình Phiếu đánh giá kết quả thử việc ngày 07 tháng 6 năm 2014, trong đó, Phó Tổng Giám đốc của bị đơn phê duyệt ngày 17 tháng 6 năm 2014 đề nghị phòng nhân sự ký hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng cho nguyên đơn; Bị đơn trình bày Phó Tổng Giám đốc có đề xuất ký hợp đồng nhưng thẩm quyền ký là của Tổng Giám đốc, do Tổng Giám đốc không đồng ý nên thực tế giữa hai bên không có giao kết hợp đồng này. Căn cứ vào lời thừa nhận của hai bên, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và thực tế nguyên đơn làm việc đến ngày 17 tháng 01 năm 2015, có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2014 đến ngày 06 tháng 6 năm 2015.

[7] Tại Tòa, nguyên đơn khai bắt đầu nghỉ thai sản từ ngày 13 tháng 01 năm 2015 còn bị đơn khai nguyên đơn bắt đầu nghỉ thai sản từ ngày 17 tháng 01 năm 2015. Theo Văn bản số 1045/BHXXH-QLT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của BHXXH Thành phố Hồ Chí Minh thì thời gian nghỉ sinh con của nguyên đơn từ ngày 17 tháng 01 năm 2015 đến ngày 16 tháng 7 năm 2015. Do đó, có cơ sở xác định nguyên đơn nghỉ thai sản từ ngày 17 tháng 01 năm 2015.

[8] Nguyên đơn cho rằng ngày 19 tháng 3 năm 2015, nguyên đơn gửi hồ sơ vào công ty để làm hồ sơ hưởng chế độ thai sản ở BHXXH, tuy nhiên khi liên lạc thì bị đơn không giải quyết chế độ thai sản cho nguyên đơn, bị đơn đã tuyển người khác vào làm thay thế vị trí của nguyên đơn và cho nguyên đơn nghỉ việc mà không có thông báo chấm dứt hợp đồng lao động bằng văn bản cho nguyên đơn biết nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Bị đơn không thừa nhận nội dung này và trình bày bị đơn nhiều lần mời nguyên đơn vào công ty để giải quyết công việc tồn đọng nhưng nguyên đơn không đến công ty, căn cứ theo email ngày 10 tháng 4 năm 2015 do nguyên đơn xuất trình thể hiện nguyên đơn tự ý nghỉ việc.

[9] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Theo Văn bản số 1375/BHXXH-CST ngày 10 tháng 7 năm 2018 thì tháng 01 năm 2015, nguyên đơn vẫn làm việc nhưng bị đơn không trích nộp bảo hiểm, bị đơn chỉ đóng bảo hiểm đến tháng 12 năm 2014. Bị đơn ngừng trích nộp bảo hiểm, không chi trả chế độ chính sách thể hiện nhận thức của bị đơn cho rằng không có người lao động này, do đó, có đủ căn cứ cho rằng bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 123 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng được tính là thời gian đóng BHXXH, người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng BHXXH. Ngoài ra,

theo Văn bản số 1045/BHXH-QLT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của BHXH Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn đã tham gia BHXH cho nguyên đơn từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 và Văn bản số 1375/BHXH-CST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của BHXH Thành phố Hồ Chí Minh thì quá trình tham gia BHXH của nguyên đơn tại Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V: Từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014: Nhân viên nhân sự; Từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 01 năm 2015: Không tham gia BHXH; Từ tháng 02 năm 2015 đến tháng 7 năm 2015: Nghỉ hưởng chế độ thai sản; Từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 7 năm 2018: Nghỉ làm việc không lương phù hợp với quy định pháp luật viện dẫn nêu trên. Do đó, trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc bị đơn ngừng trích nộp bảo hiểm thể hiện bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là không có cơ sở.

[10] Xét thấy, thời điểm nguyên đơn nghỉ thai sản trở lại làm việc là ngày 16 tháng 7 năm 2015 thì Hợp đồng lao động ngày 07 tháng 6 năm 2014 giữa nguyên đơn và bị đơn đã chấm dứt vào ngày 06 tháng 6 năm 2015 theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn và yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2015 đến khi tranh chấp của các bên được giải quyết xong toàn bộ, bồi thường 02 tháng tiền lương do cho thôi việc trái pháp luật là 12.000.000 đồng, bồi thường 9.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước không có cơ sở để chấp nhận.

[11] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lương trong những ngày nguyên đơn nghỉ theo Điều 9 của Quy chế trả lương, thưởng do bị đơn ban hành kèm theo Quyết định số 563/QĐ-VM ngày 31 tháng 5 năm 2013 mà nguyên đơn xuất trình, lao động nữ nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì được bị đơn trả mức lương tương đương với mức lương đóng BHXH từ ngày 13 tháng 01 năm 2015 đến ngày 13 tháng 7 năm 2015 là $3.047.500 \text{ đồng/tháng} \times 06 \text{ tháng} = 18.285.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi trong những ngày nguyên đơn nghỉ thai sản tính đến thời điểm xét xử là: $18.285.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 45 \text{ tháng} = 12.342.000 \text{ đồng}$;

[12] Xét thấy, Quyết định số 563/QĐ-VM đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 1366-2/QĐ-VM ngày 02 tháng 12 năm 2013 của bị đơn về việc thực hiện Quy chế trả lương, thưởng năm 2013 thay đổi nội dung Điều 9 trong Quy chế lương, thưởng năm 2013 do bị đơn xuất trình thì đối với những lao động nữ có thời gian làm việc tại công ty từ 24 tháng trở lên, công ty sẽ hỗ trợ lương cơ bản trong thời gian nghỉ thai sản để hỗ trợ một phần kinh phí và tri ân những đóng góp của lao động nữ đã cống hiến cho công ty. Quyết định có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Do nguyên đơn có thời gian làm việc tại công ty dưới 24 tháng nên bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn khoản tiền lương này.

[13] Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 157 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con là 06 tháng; Trong thời gian nghỉ thai sản, lao động nữ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và khoản 2 Điều 186 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định trong thời gian người lao động nghỉ việc được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội,

thì người sử dụng lao động không phải trả lương cho người lao động. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền lương trong những ngày nguyên đơn nghỉ thai sản theo quy chế lương của bị đơn tính đến thời điểm xét xử là $18.285.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 45 \text{ tháng} = 12.342.000 \text{ đồng}$.

[14] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của số tiền trợ cấp thai sản theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước hiện hành tính đến thời điểm xét xử là $20.585.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 45 \text{ tháng} = 13.895.000 \text{ đồng}$:

[15] Theo Văn bản số 1045/BHXXH-QLT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của BHXH Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn đã được giải quyết chế độ thai sản vào ngày 01 tháng 7 năm 2015, nhưng đến ngày 15 tháng 6 năm 2018, bị đơn mới trả 20.585.000 đồng tiền trợ cấp thai sản cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005, trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Do đó, cần điều chỉnh lại số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 02 tháng 7 năm 2015 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018 theo lãi suất 9%/năm là $20.585.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} : 360 \times 1.080 \text{ ngày} = 5.557.950 \text{ đồng}$.

[16] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn chốt và trả sổ BHXH cho nguyên đơn:

[17] Bị đơn trình bày bị đơn đồng ý trả sổ BHXH cho nguyên đơn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, tuy nhiên, hiện nay bị đơn không giữ sổ BHXH của nguyên đơn. Phía nguyên đơn khai khi nguyên đơn nghỉ việc, bị đơn chưa trả sổ BHXH cho nguyên đơn. Theo Văn bản số 1045/BHXXH-QLT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của BHXH Thành phố Hồ Chí Minh, khi làm việc tại công ty, bị đơn đã tham gia BHXH cho nguyên đơn từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015, sổ sổ BHXH là 0112205009. Do vậy, bị đơn có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp lại sổ BHXH, chốt và trả sổ BHXH cho nguyên đơn có thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015.

[18] Xét thấy, ngày 15 tháng 6 năm 2018, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện khoản tiền 20.585.000 đồng chế độ thai sản do bị đơn đã thanh toán xong. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[19] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 366.739 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29, khoản 1 Điều 36, khoản 1 và khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 186 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 123 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V:

- Trả tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2015 cho đến ngày xét xử là 6.000.000 đồng/tháng x 45 tháng = 270.000.000 đồng.

- Bồi thường 9.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do cho thôi việc trái pháp luật là 6.000.000 đồng/tháng x 02 tháng = 12.000.000 đồng.

- Trả tiền lương trong những ngày nguyên đơn nghỉ theo Quy chế lương của bị đơn ban hành là lao động nữ nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì được bị đơn trả mức lương tương đương với mức lương đóng BHXH từ ngày 13 tháng 01 năm 2015 đến ngày 13 tháng 7 năm 2015 là 3.047.500 đồng/tháng x 06 tháng = 18.285.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước hiện hành là 1,5%/tháng tính đến thời điểm xét xử là 12.342.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

- Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị H 5.557.950 đồng tiền lãi của số tiền trợ cấp thai sản từ ngày 02 tháng 7 năm 2015 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018.

- Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp lại sổ BHXH, chốt và trả sổ BHXH cho bà Lê Thị H có thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 7 năm 2015 theo sổ sổ 0112205009 tại BHXH Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H yêu cầu Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V trả 20.585.000 đồng tiền chế độ thai sản.

4. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Y Dược phẩm V phải chịu 366.739 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm